**HƯỚNG DẪN ÔNTẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I: 2020-2021**

**MÔN : GDCD 11**

**BÀI 4. CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT & LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**A. TÓM TẮT LÍ THUYẾT**

**1. Cạnh tranh & nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh**

***a. Khái niệm***

**a. Khái niệm cạnh tranh**.

- Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuân lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

**- Tính chất** cạnh tranh**: sự ganh đua, đấu tranh**

**- Chủ thể** tham gia cạnh tranh**: các chủ thể kinh tế (sản xuất, kinh doanh)**

**- Mục đích** cạnh tranh**: giành điều kiện thuận lợi, lợi nhuận**

***b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh***

sự tồn tại nhiều chủ sở hữu – những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sx, kinh doanh

có điều kiện sản xuất & lợi ích khác nhau

**2. Mục đích cạnh tranh:** giành ***lợi nhuận nhiều hơn người khác*** (mục đích cuối cùng).

**Cụ thể: GIÀNH** nguồn nguyên liệu & các nguồn lực sản xuất khác;

ưu thế về khoa học công nghệ;

thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng, các đơn đặt hàng;

ưu thế về chất lượng & giá cả hàng hóa …

**3. Tính hai mặt của cạnh tranh**

|  |  |
| --- | --- |
| **MẶT TÍCH CỰC CỦA CẠNH TRANH**  **(*động lực kinh tế*** của sx & lưu thông H2) | **MẶT HẠN CHẾ CỦA CẠNH TRANH** |
| - **①** Kích thích LLSX, KHKT phát triển, năng suất LĐ tăng lên.  - **②** Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước vào việc đầu tư & phát triển KT  - **③** Thúc đẩy tăng trưởng KT, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền KT  Mặt tích cực gắn liền với cạnh tranh lành mạnh( đúng pháp luật; có đạo đức kd; làm thị trường phát triển) | - **①** Phá hoại môi trường, làm mất cân bằng hệ sinh thái  - **②** Dùng nhiều thủ đoạn phi pháp & bất lương => giành giật khách  - **③** Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường, nâng giá lên cao  Mặt hạn chế gắn liền cạnh tranh không lành mạnh( Trái pháp luật, vi phạm đạo đức kd, thị trường đi xuống) |

**B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của

**A**. cạnh tranh. **B**. thi đua.**C**. sản xuất. **D**. kinh doanh.

**Câu 2**: Phương án nào dưới đây lí giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

**A**. Do nền kinh tế thị trường phát triển.

**B**. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh.

**C**. Do Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp phát triển.

**D**. Do quan hệ cung – cầu tác động đến người sản xuất kinh doanh.

**Câu 3**: Tính chất của cạnh tranh là gì?

**A**. Giành giật khách hàng. **B**. Giành quyền lợi về mình.

**C**. Thu được nhiều lợi nhuận. **D**. Ganh đua, đấu tranh.

**Câu 4**: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là

**A**. giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.**B**. giành uy tín tuyệt đối cho doanh nghiệp mình.

**C**. gây ảnh hưởng trong xã hội. **D**. phục vụ lợi ích xã hội.

**Câu 5**: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

**A**. Quy luật cung cầu. **B**. Quy luật cạnh tranh.

**C**. Quy luật lưu thông tiền tệ. **D**. Quy luật giá trị.

**Câu 6**: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

**A**. Bảo vệ môi trường tự nhiên. **B**. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế.

**C**. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. **D**. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 7**: Hành vi dèm pha doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực thuộc loại cạnh tranh nào dưới đây?

**A**. Cạnh tranh tự do. **B**. Cạnh tranh lành mạnh.

**C**. Cạnh tranh không lành mạnh. **D**. Cạnh tranh không trung thực.

**Câu 8**: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

**A**. Khai thác tối đa mọi quyền lực của đất nước.

**B**. Một số người sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương..

**C**. Triệt tiêu các doanh nghiệp cùng ngành.

**D**. Thu lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

**Câu 9**: Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

**A**. Quy luật cung cầu. **B**. Quy luật cạnh tranh.

**C**. Quy luật lưu thông tiền tệ. **D**. Quy luật giá trị.

**Câu 10**: Hành vi xả nước thải chưa xử lí ra sông của Công ty V trong hoạt động sản xuất thể hiện mặt hạn chế nào dưới đây trong cạnh tranh?

**A**. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương.

**B**. Gây rối loạn thị trường

**C**. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiệm trọng.

**D**. Làm cho nền kinh tế bị suy thoái.

**Câu 11**: Gia đình G bán bún phở, gần dây do ít khách nên đã đầu tư vào chất lượng và thái độ phục vụ khách hàng chu đáo hơn. Nhờ vậy, lượng khách tăng lên đáng kể, việc buôn bán nhờ thế mà khá lên. Vậy, gia đình G đã sử dụng

**A**. cạnh tranh không lành mạnh. **B**. cạnh tranh lành mạnh.

**C**. chiêu thức trong kinh doanh. **D**. cạnh tranh tiêu cực.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-A** | **2-B** | **3-D** | **4-A** | **5-B** | **6-C** | **7-C** | **8-B** | **9-B** | **10-C** | **11-B** |  |

**BÀI 5. CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT & LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**A. TÓM TẮT LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm cung – cầu**

- Mục đích của sx: tiêu dùng hoặc bán

- Sản xuất gắn cung; tiêu dùng gắn cầu

- Tiêu dùng : cho sản xuất

cho đời sống cá nhân

***a. Khái niệm cầu***

- Cầu => khối lượng H2 – DV => người tiêu dùng cần mua (giá cả, thu nhập xác định).

- Cầu ở đây là **cầu có khả năng thanh toán** =cần mua + có tiền tri trả

***b. Khái niệm cung***

- Cung =>khối lượng H2 – DV hiện có hoặc chuẩn bị đưa ra thị trường (mức giá, khả năng sản xuất, chi phí sx).

**2. Mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất – lưu thông hàng hóa**

- Quan hệ cung – cầu: quan hệ **tác động lẫn nhau** giữa **người mua⬄người bán, người sx ⬄ người tiêu dùng** trên thị trường => xác định **giá cả , số lượng** hàng hóa – dịch vụ.

- Biểu hiện quan hệ cung – cầu:

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau: cầu tăng => cung tăng

cầu giảm => cung giảm

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:

Cung > cầu => giá cả thị trường < giá trị H2 trong sx

Cung < cầu => giá cả thị trường > giá trị H2 sx

Cung = cầu => giá cả thị trường = giá trị H2 sx

+ Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

Cung : giá tăng => cung tăng

giá giảm => cung giảm

Cầu: giá giảm => cầu tăng

Giá tăng => cầu giảm

**3. Vận dụng quan hệ cung – cầu**

- Đối với Nhà nước : điều tiết cung – cầu trên thị trường.

- Đối với người sản xuất, kinh doanh:

Thu hẹp SX – KD nếu cung > cầu, giá cả < giá trị

Chuyển đổi ngành nghề nếu cung < cầu, giá cả > giá trị

- Đối với người tiêu dùng:

Giảm mua hàng nếu cung < cầu, giá cao; Chỉ mua hàng khi cung > cầu, giá thấp

**B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Trong nền sản xuất hàng hóa, mục đích của sản xuất là

**A**. tiêu dùng, để bán. **B**. tự cung, tự cấp.**C**. xuất khẩu. **D**. nhập khẩu.

**Câu 2**: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định – là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

**A**. Cung. **B**. Tổng cầu. **C**. Cầu. **D**. Giá cả.

**Câu 3**: Cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa được hiểu là

**A**. nhu cầu mong muốn. **B**. nhu cầu có khả năng thanh toán.

**C**. nhu cầu trả sau. **D**. nhu cầu không có khả năng thanh toán.

**Câu 4**: Anh A có nhu cầu mua một chiếc xe ô tô, nhưng chưa có tiền để mua, thì đó là

**A**. nhu cầu mong muốn. **B**. nhu cầu có khả năng thanh toán.

**C**. nhu cầu trả sau. **D**. nhu cầu không có khả năng thanh toán.

**Câu 5**: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có và chuẩn bị đưa ra thị trường ứng với giá cả, khả năng và chi phí sản xuất là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

**A**. Cung. **B**. Tổng cung. **C**. Cầu. **D**. Tổng cầu.

**Câu 6**: Giá cả cao hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa là do tác động của

**A**. giá cả, giá trị. **B**. hàng hóa, tiền tệ.

**C**. người mua, người bán. **D**. cạnh tranh, cung cầu.

**Câu 7**: Tác động lẫn nhau giữa người mua với người bán hay người sản xuất với người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ là thể hiện mối quan hệ nào sau đây?

**A**. Quan hệ giá trị. **B**. Quan hệ cạnh tranh. **C**. Quan hệ cung, cầu. **D**. Quan hệ thị trường.

**Câu 8**: Trên thị trường sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả của hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

**A**. Cung – cầu. **B**. Người mua ít – người bán nhiều.

**C**. Người mua nhiều – người bán ít. **D**. Độc quyền.

**Câu 9**: Theo nội dung của quy luật cung – cầu, giá cả thị trường thường cao hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất khi

**A**. cung > cầu. **B**. cung < cầu. **C**. cung giảm, cầu giảm. **D**. cung = cầu.

**Câu 10**: Thông thường, trên thị trường, khi giá cả giảm xuống sẽ kéo theo lượng cung giảm xuống và cầu

**A**. có xu hướng tăng lên. **B**. không tăng **C**. giảm. **D**. có xu hướng ổn định.

**Câu 11**: Thông thường, trên thị trường, khi giá cả tăng lên sẽ kéo theo cầu giảm xuống và lượng cung

**A**. giảm. **B**. có xu hướng ổn định. **C**. có xu hướng tăng lên. **D**. không tăng.

**Câu 12**: Theo nội dung của quy luật cung – cầu giá cả thị trường thường thấp hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất khi

**A**. cầu giảm – cung tăng. **B**. cung bằng cầu. **C**. cung lớn hơn cầu. **D**. cung nhỏ hơn cầu.

**Câu 13**: Khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây?

**A**. Cung = cầu. **B**. Cung > cầu. **C**. Cung < cầu. **D**. Cung # cầu.

**Câu 14 :** Khi là người bán hàng trên thị thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây?

**A**. Cung = cầu. **B**. Cung > cầu. **C**. Cung < cầu. **D**. Cung # cầu.

**Câu 15**: Khi cầu tăng dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung tăng là nội dung nào của biểu hiện trong quan hệ cung – cầu?

**A**. Cung – cầu tác động lẫn nhau. **B**. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả.

**C**. Giá cả ảnh hưởng đến cung – cầu. **D**. Thị trường chi phối đến cung cầu.

**Câu 16**: Vào đầu mỗi năm học mới, nhu cầu văn phòng phẩm của học sinh tăng, các nhà sản xuất đã đẩy mạnh sản xuất. Vậy nhà sản xuất đã vận dụng nội dung nào dưới đây của quan hệ cung – cầu?

**A**. Cung - cầu tác động lẫn nhau. **B**. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

**C**. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu. **D**. Cung - cầu ảnh hưởng lẫn nhau.

**Câu 17**: Mùa hè đến, lượng tiêu thụ điện tăng mạnh nên hay bị cúp điện. Do đó, nhu cầu mua bóng đèn tích điện của người dân tăng lên, dẫn đến nhà sản xuất mở rộng lượng cung đèn tích điện trên thị trường. Vậy nhà sản xuất đã áp dụng nội dung nào dưới đây của quy luật cung – cầu?

**A**. Cung - cầu tác động lẫn nhau. **B**. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

**C**. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu. **D**. Cung - cầu ảnh hưởng lẫn nhau.

**Câu 18**: Hãng điện thoại X vừa cho ra sản phẩm mới. Nếu là nhà sản xuất X, để kích thích lượng cầu với dòng điện thoại mới đó, em sẽ lựa chọn phương án nào dưới đây để bán được nhiều sản phẩm lại không bị thua lỗ?

**A**. Quảng cáo sản phẩm. **B**. Đẩy mạng quảng cáo và khuyến mại.

**C**. Hạ giá thành sản phẩm. **D**. Tăng giá thành sản phẩm để gây chú ý.

**Câu 19**: Vào mùa lũ, rau của nhiều nhà vườn hỏng do bị úng ngập dẫn đến giá rau tăng cao. Nếu là người bán rau, em sẽ làm gì để có lợi nhất?

**A**. Giảm giá **B**. Tăng giá **C**. Giữ giá **D**. Không bán nữa

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-A** | **2-C** | **3-B** | **4-D** | **5-A** | **6-D** | **7-C** | **8-A** | **9-B** | **10-A** |
| **11-C** | **12-A** | **13-B** | **14-C** | **15-A** | **16-A** | **17-A** | **18-C** | **19-B** |  |

**BÀI 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

**1. Khái niệm CNH – HĐH; tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH – HĐH đất nước**

***a. Khái niệm***

- CNH: quá trình chuyển đổi (căn bản, toàn diện) từ sx sử dụng sức lđ thủ công => sức lđ dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí.

- HĐH: ứng dụng & trang bị KHCN tiên tiến, hiện đại => sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí KT- XH.

- CNH – HĐH quá trình chuyển đổi (căn bản, toàn diện) các hoạt động kinh tế & quản lí kinh tế - xh từ sử dụng sức lđ thủ công => sức lđ kết hợp công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến => tạo năng suất lđ xh cao hơn.

***b. Tính tất yếu khách quan & tác dụng của CNH – HĐH***

**- Tính tất yếu khách quan:**

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, kĩ thuật, công nghệ giữa VN – thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lđ xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại & phát triển của CNXH.

**- Tác dụng to lớn & toàn diện của CNH – HĐH:**

+ Phát triển LLSX, tăng năng suất lđ xã hội.

+ Tạo ta LLSX mới làm tiền đề cho việc củng cố QHSX XHCN.

+ Tạo tiền đề hình thành & phát triển nền văn hóa mới XHCN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Tạo cơ sở vật chất – kĩ thuật cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

**2. Nội dung cơ bản của CNH – HĐH ở nước ta**

***a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất***

- Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội: chuyển nền kt từ kĩ thuật thủ công => kĩ thuật cơ khí; chuyển từ văn minh nông nghiệp => văn minh công nghiệp.

- Áp dụng KHCN hiện đại vào các ngành của nền kt quốc dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực = gắn CNH, HĐH với kinh tế tri thức.

***b. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả***

- Cơ cấu KT : tổng thể hữu cơ giữa **cơ cấu ngành KT (cốt lõi, quan trọng nhất**)

cơ cấu vùng KT

cơ cấu thành phần KT

- Xây dựng CCKT hợp lí = chuyển dịch cơ cấu KT

- Chuyển dịch CCKT: **chuyển đổi** từ CCKT **lạc hậu, kém hiệu quả & bất hợp lí** 🡺 CCKT **hợp lí, hiện đại & hiệu quả**.

Đi từ CCKT **nông nghiệp** 🡺 CCKT **nông, công nghiệp** 🡺 CCKT **công, nông nghiệp &**

**dịch vụ hiện đại.**

- Chuyển dịch CCKT đi đôi **chuyển dịch cơ cấu lao động.**

**3. Trách nhiệm của công dân với sự nghiệp CNH – HĐH**

① Nhận thức được tính tất yếu khách quan & tác dụng to lớn của CNH – HĐH đất nước.

② Trong sản xuất, kinh doanh cần lựa chọn mặt hàng phù hợp nhu cầu thị trường & có sức cạnh tranh cao.

③ Tiếp thu & ứng dụng những thành tựu KHCH hiện đại vào sản xuất.

④ Học tập nâng cao trình độ học vấn chuyên môn đáp ứng nguồn lao động có kĩ thuật cho sự nghiệp CNH – HĐH.

**B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ kinh tế

**A**. quan trọng. **B**. tiền đề.**C**. cơ bản. **D**. quyết định.

**Câu 2**: Nhân loại đã trải qua mấy cuộc cách mạng kĩ thuật?

**A**. 1. **B**. 2. **C**. 3. **D**. 4.

**Câu 3**: Cuộc cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất gắn với quá trình chuyển từ lao động thủ công lên lao động

**A**. cơ khí. **B**. tự động hóa. **C**. tiên tiến. **D**. máy tính.

**Câu 4**: Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế xã hội đề cập đến khái niệm sau đây?

**A**. Hiện đại hóa. **B**. Công nghiệp hóa **C**. Công nghệ hóa. **D**. Tư duy hóa.

**Câu 5:** Quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí đề cập đến khái niệm sau đây?

**A**. Hiện đại hóa. **B**. Công nghiệp hóa **C**. Công nghệ hóa. **D**. Tư duy hóa.

**Câu 6**: Nhiệm vụ kinh tế cơ bản và trọng tâm nhất của nước ta hiện nay là

**A**. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. **B**. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

**C**. xây dựng cơ sở vật chất. **D**. Phát huy nguồn nhân lực.

**Câu 7**: Cuộc cách mạng kĩ thuật lần 2 gắn với quá trình nào sau đây?

**A**. Thủ công hóa. **B**. Tự động hóa. **C**. Cơ khí hóa. **D**. Công nghệ hóa.

**Câu 8**: Ở Việt Nam, công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa nhằm

**A**. xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí.

**B**. phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

**C**. rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với những nước khác.

**D**. củng cố địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9**: Quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động từ sử dụng sức lao động thủ công sang lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến là đề cập đến khái

niệm nào sau đây?

**A**. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa. **B**. Khoa họa – công nghệ.

**C**. Rô bốt, người máy. **D**. Số hóa.

**Câu 10**: Việt Nam đổi mới kinh tế từ năm nào?

**A**. 1986. **B**. 1987. **C**. 1988. **D**. 1989.

**Câu 11**: Nội dung nào sau đây có tính chất cốt lõi trong cơ cấu kinh tế?

**A**. Cơ cấu lãnh thổ. **B**. Cơ cấu thành phần kinh tế.

**C**. Cơ cấu vùng kinh tế. **D**. Cơ cấu ngành kinh tế.

**Câu 12**: Để chuyển dịch cơ cấu lao động, ngoài chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cần phải quan tâm đến quá trình

**A**. nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. **B**. phát triển lực lượng sản xuất.

**C**. phát triển nền kinh tế tri thức. **D**. củng cố địa vị quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

**Câu 13**: Tổng thể hữu cơ giữa cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế là

**A**. cơ cấu kinh tế. **B**. thành phần kinh tế. **C**. năng lực kinh tế. **D**. cạnh tranh kinh tế.

**Câu 14 :** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự chuyển đổi từ cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả và bất hợp lí sang một cơ cấu kinh tế hợp lí

**A**. công nông nghiệp và dịch vụ hiện đại. **B.** công nghiệp tiên tiến.

**C**. nông công nghiệp vững mạnh. **D**. hiện đại và hiệu quả.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-C** | **2-B** | **3-A** | **4-A** | **5-B** | **6-A** | **7-B** | **8-C** | **9-A** | **10-A** | **11-D** | **12-C** | **13-A** | **14-D** |